TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1068/2018/DS-ST

Ngày: 29/11/2018

"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Cảnh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 514/2018/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 532/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng công ty A

Địa chỉ: 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D (có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 4741/UQ-PHM ngày 19/12/2017)

Bị đơn: Ông Phan Phương T (vắng mặt)

Địa chỉ: 2/7A ấp Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện H, huyện Hóc Môn, Thành Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Tổng công ty A (Sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ngày 20/01/2011, Tổng công ty A có ký hợp đồng mua bán điện số 11000392 (Mã khách hàng PE08000235684) với ông Phan Phương T. Trong quá trình sử dụng điện, ông T đã nợ số tiền điện cụ thể như sau: Kỳ hóa đơn tháng 11/2017 với số hóa đơn 9240528 nợ số tiền điện 299.528 đồng; kỳ hóa đơn tháng 12/2017 với số hóa đơn 9391974 nợ số tiền điện 84.993 đồng. Tổng cộng ông T nợ tiền điện là 384.521 đồng.

Nay, Tổng công ty A yêu cầu cá nhân ông Phan Phương T trả số nợ tiền điện là 384.521 đồng, không yêu cầu trả lãi, trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp, ông T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì buộc ông T trả tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chưa thi hành án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông T hợp lệ nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa Tổng công ty và ông T đang thực hiện thì phát sinh tranh chấp, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định

của Bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của Tổng công ty A, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án,Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của đương sự:

Xét Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 11000392 (Mã khách hàng PE08000235684) ngày 20/01/2011 giữa ông Phan Phương T với Tổng công ty A. Theo đó, Tổng công ty sẽ bán điện cho ông T tại địa chỉ 2/7A ấp Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện H, Thành Hồ Chí Minh với mục đích phục vụ sinh hoạt. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến trước kỳ hóa đơn tiền điện tháng 11/2017, ông T trả tiền đầy đủ. Kể từ hóa đơn tháng 11/2017 với số hóa đơn 9240528 nợ số tiền điện 299.528 đồng; kỳ hóa đơn tháng 12/2017 với số hóa đơn 9391974 nợ số tiền điện 84.993 đồng. Tổng cộng ông Tuấn nợ tiền điện là 384.521 đồng thì ông T không trả tiền điện nữa. Căn cứ vào hợp đồng mua bán điện số 11000392 (Mã khách hàng PE08000235684) ngày 20/01/2011 và các hóa đơn tiền điện, Tổng công ty đã nhiều lần nhắc nhở ông T trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện việc trả nợ. Các tình tiết trên, Tòa án thông báo đến cho ông T nhưng ông T vẫn không có ý kiến phản hồi nên Tòa án căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết trên là sự thật.

Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, ông T thanh toán hết tiền điện đến kỳ hóa đơn tháng 10/2017. Kể từ hóa đơn tháng 11/2017 với số hóa đơn 9240528 nợ số tiền điện 299.528 đồng; kỳ hóa đơn tháng 12/2017 với số hóa đơn 9391974 nợ số tiền điện 84.993 đồng. Tổng cộng ông T nợ tiền điện là 384.521 đồng thì ông T không trả nợ. Ông T không thanh toán cho Tổng công ty là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết thỏa thuận theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, ông T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền diện còn nợ tổng cộng là 384.521 đồng, không yêu cầu trả lãi cho Tổng công ty, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợpông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc ông Tuấn trả tiền lãi phát sinh do chậm

trả tương ứng với số tiền chưa thi hành án theo yêu cầu của Tổng công ty là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Tổng công ty A không phải chịu án phí, hoàn tiền tạm ứng án phí cho Tổng công ty A

Bởi các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 430; Điều 434; Điều 440; Điều 468; Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Buộc ông Phan Phương T trả cho Tổng công ty A số tiền là 384.521 đồng (ba trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi mốt đồng); việc trả nợ thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Tổng công ty A cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Phan Phương T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Phương T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

- Hoàn tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) cho Tổng công ty A theo biên lai thu tiền số AA/2017/0018780 ngày 29/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tống đạt được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM
- VKSND H. H;
- Chi cục THADS H. H;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Cảnh Long